

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 39 /NQ-HĐND

U Minh Thượng, ngày 12 tháng 8 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

Về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và
kế hoạch đầu tư công năm 2021 trên địa bàn huyện U Minh Thượng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG KHÓA II, KỲ HỌP THỨ MƯỜI SÁU

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 6 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Hội đồng nhân dân huyện về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch vốn 2021 trên địa bàn huyện U Minh Thượng.

Theo đề nghị của UBND huyện tại Tờ trình số 164/TTr-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2020 của UBND huyện; Báo cáo thẩm tra số 13/BC-BKTXH ngày 07 tháng 8 năm 2020 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch đầu tư công năm 2021 trên địa bàn huyện U Minh Thượng, với nội dung cụ thể như sau:

1. Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025: 148.262 triệu đồng, bao gồm:

- Lĩnh vực giáo dục: 68.200 triệu đồng.
- Lĩnh vực y tế: 3.000 triệu đồng.
- Lĩnh vực quản lý nhà nước: 77.062 triệu đồng

(Chi tiết theo phụ lục 01 đính kèm)

2. Kế hoạch vốn năm 2021: 59.305 triệu đồng, bao gồm:

- Lĩnh vực giáo dục: 16.585 triệu đồng.
- Lĩnh vực quản lý nhà nước: 42.720 triệu đồng



(Chi tiết theo phụ lục 02 đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân huyện giao cho Ủy ban nhân dân huyện triển khai thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, hai Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện nghị quyết này.

3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện U Minh Thượng khóa II, kỳ họp thứ mười sáu thông qua ngày 11 tháng 8 năm 2020 và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- UBND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các ban, ngành, đoàn thể huyện;
- Thường trực HĐND, UBND xã;
- LĐVP, CVNC;
- Lưu: VT, thnhan.

CHỦ TỊCH



Trần Kiểm Phong

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN 5 NĂM GIAI ĐOẠN TỪ NĂM 2021 ĐẾN NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN U MINH THƯỢNG

(Kèm theo Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2020 của HĐND huyện U Minh Thượng)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư				Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025				Phân kỳ giai đoạn 2021-2025					Ghi chú		
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023		Năm 2024	Năm 2025
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP								
1	GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO			148.262	148.262	-	148.262	-	-	59.305	39.842	33.640	13.475	2.000				
1	Trường Mầm non An Minh Bắc; HM: XDM và sửa chữa phòng học			68.200	68.200	-	68.200	-	-	16.585	21.500	21.640	6.475	2.000				
2	Trường Mầm non Vĩnh Hòa; HM: XDM 02 phòng ở điểm Vĩnh Thạnh;			1.500	1.500		1.500			1.500								
3	Trường TH&THCS An Minh Bắc 3; HM: XDM và sửa chữa phòng học			14.750	14.750		14.750			4.585	5.000	5.165						
4	Trường TH&THCS Minh Thuận 6; HM: XDM 16 phòng, san lấp mặt bằng, sân nền công rào, cổng rào			12.000	12.000		12.000			3.000	5.000	4.000						
5	Trường THCS An Minh Bắc; HM: XDM 8p học+1 Hội trường+1 văn phòng+3 chuyên môn+ 4phòng khác (2p BGH+1p đoàn-Đội+1p Y tế+ 1p TV+1p TB) và CTSC			12.500	12.500		12.500			3.000	4.500	5.000						
6	Trường TH&THCS Hòa Chánh 3; HM: XDM 6 phòng và Cải tạo sửa chữa 22 phòng			6.000	6.000		6.000			3.000	3.000							
7	Trường TH Hòa Chánh 1; HM: XDM và sửa chữa phòng học			11.475	11.475		11.475				4.000	3.475	4.000					
8	Trường TH Vĩnh Hòa 1; HM: XDM và sửa chữa phòng học			8.475	8.475		8.475					4.000	2.475	2.000				
II	NGÀNH Y TẾ			3.000	3.000	-	3.000	-	-	-	-	1.000	2.000	-				
1	Trạm Y Tế xã Minh Thuận; HM: Cải tạo sửa chữa, mua sắm trang thiết bị			1.000	1.000		1.000					1.000						
2	Cải tạo sửa chữa, mua sắm trang thiết bị Trạm Y Tế xã Thanh Yên			1.000	1.000		1.000					1.000						
3	Cải tạo sửa chữa, mua sắm trang thiết bị Trạm Y Tế xã An Minh Bắc			1.000	1.000		1.000					1.000						
III	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC			77.062	77.062	-	77.062	-	-	42.720	18.342	11.000	5.000	-				
1	Nhà làm việc, công, hàng rào Đài Truyền Thanh huyện UMT; Hàng mục: Cải tạo sửa chữa			800	800		800			800								
2	Trung tâm văn hóa xã An Minh Bắc; HM: XDM			3.000	3.000		3.000			3.000								
3	Trung tâm văn hóa xã Minh Thuận; HM: XDM			3.000	3.000		3.000			3.000								
4	Trung tâm văn hóa xã Hòa Chánh (ấp Vĩnh Hiệp); HM: Xây dựng mới			3.000	3.000		3.000			3.000								
5	Hệ thống PCCC Khu trung tâm hành chính huyện; Hàng mục: XDM			2.000	2.000		2.000			2.000								



STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025			Phân kỳ giai đoạn 2021-2025					Ghi chú					
			đánh, ngày, tháng, năm ban hành	Tông số (tất cả các nguồn vốn)			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023		Năm 2024	Năm 2025			
								Tổng số	Trong đó: vốn NSDP									Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
6	Hội trường lớn UBND huyện UMT; Hàng mục: CTSC			7.000	7.000		7.000			2.000	3.000	2.000								
7	Nhà ăn Khối Vận huyện UMT; Hàng mục: XDM			600	600		600			600										
8	Nhà ăn UBND huyện UMT; Hàng mục: XDM			4.000	4.000		4.000			2.000	2.000									
9	Hàng rào, sân nền Khối Vận Huyện Ủy; Hàng mục: XDM			1.000	1.000		1.000			1.000										
10	Hệ thống thoát nước Khu trung tâm hành chính huyện; Hàng mục: XDM			300	300		300			300										
11	Hàng rào phòng Nông nghiệp và PTNN; Hàng mục: XDM			520	520		520			520										
12	Bờ kè TTTHC huyện UMT; Hàng mục: XDM			12.000	12.000		12.000			2.000	2.000	5.000	5.000							
13	Nhà lưu trữ UBND huyện UMT; Hàng mục: XDM			6.000	6.000		6.000			3.000	2.000	1.000								
14	Trụ sở tiếp nhận và trả kết quả các TTTHC UBND huyện UMT; Hàng mục: XDM			3.000	3.000		3.000			2.000	1.000									
15	Hàng rào TTTHC huyện UMT; Hàng mục: XDM			5.000	5.000		5.000			5.000										
16	Trụ sở Khối Vận xã Minh Thuận; HM: XDM			3.000	3.000		3.000			3.000										
17	Khối vận xã Hoà Chánh; HM: Cải tạo SC			700	700		700			700										
18	Trụ sở UBND xã Hòa Chánh; HM: Cải tạo SC			2.000	2.000		2.000				2.000									
19	Khối vận xã Thanh Yên; HM: XDM			3.000	3.000		3.000					3.000								
20	Sân nền UBND xã Thanh Yên; HM: XDM			400	400		400			400										
21	Bờ kè trước UBND xã Thanh Yên A; HM: XDM			1.000	1.000		1.000			1.000										
22	Trụ sở UBND xã Thanh Yên A; HM: Cải tạo SC			1.200	1.200		1.200			1.200										
23	Trụ sở Khối Vận xã An Minh Bắc; HM: XDM			3.000	3.000		3.000			3.000										
24	Trụ sở Khối Vận xã Thanh Yên A; HM: XDM			3.000	3.000		3.000				3.000									
25	Trụ sở Khối Đoàn thể xã Vĩnh Hòa; HM: CTSC			700	700		700			700										
26	Hội Trường xã Minh Thuận; HM: XDM			2.500	2.500		2.500			2.500										
27	Trụ sở Ban Chỉ Huy Quân Sự xã Thanh Yên; HM: Cải tạo SC			500	500		500			500										
28	Trụ sở Ban Chỉ Huy Quân Sự xã Thanh Yên A; HM: Cải tạo SC			500	500		500			500										
29	Sân nền, hàng rào UBND xã Hòa Chánh; HM: Cải tạo sửa chữa			1.000	1.000		1.000			1.000										
30	Hội trường UBND xã Thanh Yên A; HM: Cải tạo SC			1.382	1.382		1.382				1.382									
31	Nhà ăn UBND xã Thanh Yên A; HM: Cải tạo SC			1.000	1.000		1.000				1.000									
32	Bờ kè trước Trụ sở UBND xã Thanh Yên; HM: XDM			460	460		460				460									
33	Trụ sở UBND xã, Nhà ăn xã Thanh Yên; HM: Cải tạo SC			500	500		500				500									



PHỤ LỤC 02

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN U MINH THƯỢNG
(Kèm theo Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2020 của HĐND huyện U Minh Thượng)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu				Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2021		Ghi chú
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSNN	Trong đó: Vốn NSNN			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP					Tổng số	Thanh toán nợ XD/CB		
	TỔNG CỘNG				101.970	-	101.970	-	59.305					
I	GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO				48.250	-	48.250	-	16.585					
1	Trường Mầm non An Minh Bắc; HM: XDM và sửa chữa phòng học				1.500		1.500		1.500					
2	Trường Mầm non Vĩnh Hòa; HM: XDM 02 phòng ở điểm Vĩnh Thanh;				1.500		1.500		1.500					
3	Trường TH&THCS An Minh Bắc 3; HM: XDM và sửa chữa phòng học				14.750		14.750		4.585					
4	Trường TH&THCS Minh Thuận 6; HM: XDM 16 phòng, san lấp mặt bằng, sân nền công rào, công rãnh				12.000		12.000		3.000					
5	Trường THCS An Minh Bắc; HM: XDM 8p.học+1 Hội trường+1 văn phòng+3 chuyên môn+ 4phòng khác (2p BGH+1p đoàn-Đội+1p Y tế+ 1p TV+1p TB) và CTSC				12.500		12.500		3.000					
6	Trường TH&THCS Hòa Chánh 3; HM: XDM 6 phòng và Cải tạo sửa chữa 22 phòng				6.000		6.000		3.000					
III	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC				53.720	-	53.720	-	42.720					
1	Nhà làm việc, công, hàng rào Đài Truyền Thanh huyện UMT; Hàng mục: Cải tạo sửa chữa				800		800		800					
2	Trung tâm văn hóa xã An Minh Bắc; HM: XDM				3.000		3.000		3.000					
3	Trung tâm văn hóa xã Minh Thuận; HM: XDM				3.000		3.000		3.000					
4	Trung tâm văn hóa xã Hòa Chánh (ấp Vĩnh Hiệp); HM: Xây dựng mới			1	3.000		3.000		3.000					

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu			Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 -2025			Kế hoạch vốn năm 2021		Ghi chú	
				Số quyết định, ngày, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSNN	Trong đó: Vốn NSNN		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP					Tổng số		Thanh toán nợ XD/CB
5	Hệ thống PCCC Khu trung tâm hành chính huyện; Hàng mục: XDM				2.000		2.000		2.000				
6	Hội trường lớn UBND huyện UMT ; Hàng mục: CTSC				7.000		7.000		7.000		2.000		
7	Nhà ăn Khối Vận huyện UMT; Hàng mục: XDM				600		600		600		600		
8	Nhà ăn UBND huyện UMT; Hàng mục: XDM				4.000		4.000		4.000		2.000		
9	Hàng rào, sân nền Khối Vận Huyện Ủy; Hàng mục: XDM				1.000		1.000		1.000		1.000		
10	Hệ thống thoát nước Khu trung tâm hành chính huyện; Hàng mục: XDM				300		300		300		300		
11	Hàng rào phòng Nông nghiệp và PTNN; Hàng mục: XDM				520		520		520		520		
12	Nhà lưu trữ UBND huyện UMT; Hàng mục: XDM				6.000		6.000		6.000		3.000		
13	Trụ sở tiếp nhận và trả kết quả các TT/HC UBND huyện UMT; Hàng mục: XDM				3.000		3.000		3.000		2.000		
14	Hàng rào TT/HC huyện UMT; Hàng mục: XDM				5.000		5.000		5.000		5.000		
15	Trụ sở Khối Vận xã Minh Thuận; HM: XDM				3.000		3.000		3.000		3.000		
16	Khởi vận xã Hoà Chánh; HM: Cải tạo SC				700		700		700		700		
17	Sân nền UBND xã Thanh Yên; HM: XDM				400		400		400		400		
18	Bờ Kè trước UBND xã Thanh Yên A; HM: XDM				1.000		1.000		1.000		1.000		
19	Trụ sở UBND xã Thanh Yên A; HM: Cải tạo SC				1.200		1.200		1.200		1.200		
20	Trụ sở Khối Vận xã An Minh Bắc; HM: XDM				3.000		3.000		3.000		3.000		
21	Trụ sở Khối Đoàn thể xã Vĩnh Hòa; HM: CTSC				700		700		700		700		
22	Hội Trường xã Minh Thuận; HM: XDM				2.500		2.500		2.500		2.500		
23	Trụ sở Ban Chi Huy Quân Sự xã Thanh Yên; HM: Cải tạo SC				500		500		500		500		
24	Trụ sở Ban Chi Huy Quân Sự xã Thanh Yên A; HM: Cải tạo SC				500		500		500		500		
25	Sân nền, hàng rào UBND xã Hòa Chánh; HM: Cải tạo sửa chữa				1.000		1.000		1.000		1.000		